TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số:**40**/2020/DS-ST
Ngày: 22/7/2020
V/v: "*T/c hợp đồng mua bán hàng hóa*".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA-TỈNH ĐỒNG NAI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
- Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Hồng Ngọc
- Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Chánh
Bà Trương Thị Thìn
- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Đỗ Thị Huyền - Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa-tỉnh Đồng Nai.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa: Bà Nguyễn Hoàng Thế Anh– Kiểm sát viên

Hôm nay, ngày 22 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Biên Hòa mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 210/2020/TLST-DS ngày 25 tháng 02 năm 2020 về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2020/QĐXXST–DS ngày 08 tháng 6 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 620/2019/QĐST-DS ngày 02/7/2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Phan Thị H**, sinh năm 1973
Địa chỉ: ABC, ấp BV, xã GĐ, huyện TB, tỉnh Đồng Nai.
Người đại diện theo ủy quyền cho bà H: Ông **Nguyễn Phúc L**, sinh năm 1970 (*theo giấy ủy quyền ngày 13/01/2020*)
Địa chỉ: R, khu phố A, phường TP, thành phố BH, tỉnh Đồng Nai
- Bị đơn: Ông **Bùi Tá V**, sinh năm 1979 và bà **Phạm Thị H**, sinh năm 1984
Cùng địa chỉ: tổ A, khu phố TB, phường TP, thành phố BH, tỉnh Đồng Nai
(*Đại diện nguyên đơn có mặt; bị đơn vắng mặt không có lý do*).

NỘI DUNG VỤ ÁN

***Tại đơn khởi kiện ngày 07/02/2020, tại các bản tự khai và tại phiên tòa - đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Phúc L trình bày:**

Ông Bùi Tá V và bà Phạm Thị H có quan hệ vợ chồng. Nguyên đơn Phan Thị H quen biết vợ chồng ông V+ bà H thông qua việc nguyên đơn bán cám chăn nuôi heo cho vợ chồng ông V+ bà H.

Từ tháng 08/2018 đến ngày 21/8/2019, vợ chồng ông V+ bà H mua cám của bà H nhiều lần để chăn nuôi heo, mỗi lần mua thì họ điện thoại kêu bà H chở cám đến nhà. Sau khi mua thì bà H đến nhà ông bà lấy tiền và thường thì ông bà chỉ trả được một phần tiền, phần còn lại thì xin thiếu nợ và bà H ghi chép vào cuốn sổ tay theo dõi việc mua bán và trả nợ đồng thời yêu cầu bà H và ông V thay nhau ký xác nhận.

Tính đến ngày 21/8/2019 thì số nợ tiền cám heo lên đến 277.200.000 đồng, bà H và vợ chồng ông V+ bà H thống nhất chốt lại số nợ này. Sau đó bà H đến đòi tiền nợ nhiều lần thì nhưng vợ chồng ông V+ bà H không chịu trả gây thiệt hại đến tài sản của nguyên đơn. Vì vậy, nguyên đơn làm đơn khởi kiện ông Bùi Tá V và bà Phạm Thị H đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa buộc bị đơn là vợ chồng ông V+ bà H phải trả lại cho nguyên đơn(bà H) số tiền như sau:

- Trả lại toàn bộ tiền nợ gốc là 277.200.000 đồng(*hai trăm bảy mươi bảy triệu hai trăm nghìn đồng*).

- Trả tiền lãi tính theo lãi suất cơ bản do ngân hàng nhà nước quy định không quá 20%/ năm, từ ngày 21/8/2019 đến ngày 22/07/2020 (ngày xét xử) là: 277.200.000 x 1.66% x 11 tháng = 50.616.720 đồng (*năm mươi triệu sáu trăm mười sáu nghìn bảy trăm hai mươi đồng*).

Tổng cộng số tiền yêu cầu giải quyết là: 277.200.000 đồng + 50.616.720 đồng = 327.816.720 đồng (*ba trăm hai mươi bảy triệu tám trăm mười sáu nghìn bảy trăm hai mươi đồng*).

*Bị đơn ông Bùi Tá V và bà Phạm Thị H vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng, không cung cấp văn bản trình bày ý kiến cũng như cung cấp tài liệu, chứng cứ đối với yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị H.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng;

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của của nguyên đơn. Buộc ông Bùi Tá V và bà Phạm Thị H phải trả cho bà Phan Thị H số tiền nợ gốc là 277.200.000 đồng và số tiền lãi tính theo lãi suất cơ bản do ngân hàng nhà nước quy định không quá 20%/ năm, từ ngày 21/8/2019 đến ngày 22/07/2020 (ngày xét xử) là: 50.616.720 đồng. Về án phí do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết: Bà Phan Thị H khởi kiện yêu cầu ông Bùi Tá V và bà Phạm Thị H phải trả tiền mua cám heo còn nợ là 277.200.000 đồng + 50.616.720 đồng = 327.816.720 đồng (*ba trăm hai mươi bảy triệu tám trăm mười sáu nghìn bảy trăm hai mươi đồng*). Ông Bùi Tá V và bà Phạm Thị H có đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ A, khu phố TB, phường TP, thành phố BH, tỉnh Đồng Nai và hiện vẫn đang sinh sống tại địa chỉ này. Căn cứ Điều 26, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án có thẩm quyền xét xử là Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

[1.2] Về tư cách đương sự: Căn cứ khoản 2 Điều 68 xác định: Bà Phan Thị H là nguyên đơn; Ông Bùi Tá V và bà Phạm Thị H là bị đơn trong vụ án.

[1.3] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán tiền mua hàng. Căn cứ khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự quan hệ pháp luật được xác định là "*Tranh chấp về hợp đồng mua bán hàng hóa*".

[1.4] Ông Bùi Tá V và bà Phạm Thị H đã được Tòa án tống đạt hợp lệ và niêm yết: "Thông báo thụ lý vụ án", "Giấy triệu tập", "Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, công khai tiếp cận chứng cứ và hòa giải", "Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, công khai tiếp cận chứng cứ và hòa giải", "Thông báo về việc thu thập được tài liệu chứng cứ" tại địa chỉ nơi ông Bùi Tá V và bà Phạm Thị H cư trú tại trụ sở Ủy ban nhân dân phường Tam Phước, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai và trụ sở Tòa đúng thời hạn luật định nhưng ông Bùi Tá V và bà Phạm Thị H vẫn không đến Tòa án làm việc. Do ông Bùi Tá V và bà Phạm Thị H đã được thông báo nhiều lần nhưng vẫn không đến tham gia phiên họp nên Tòa án đã lập biên bản ghi nhận việc không thể tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, công khai tiếp cận chứng cứ và hòa giải được. Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa do vắng mặt ông Bùi Tá V và bà Phạm Thị H cũng đã được tiến hành niêm yết công khai theo đúng quy định của pháp luật. Như vậy, ông Bùi Tá V và bà Phạm Thị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông Bùi Tá V và bà Phạm Thị H vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Bùi Tá V và bà Phạm Thị H theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp: Xét yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị H buộc ông Bùi Tá V và bà Phạm Thị H trả số tiền nợ gốc và lãi thì thấy:

Từ tháng 08/2018 đến ngày 21/8/2019, vợ chồng ông V+ bà H mua cám của bà H nhiều lần để chăn nuôi heo, mỗi lần mua thì họ điện thoại kêu bà H chở cám đến nhà và trả tiền. Việc mua bán giao hàng và nhận tiền được bà Phạm Thị H ghi chép vào cuốn sổ tay theo dõi có bà H và ông V thay nhau ký xác nhận. Tính đến ngày 21/8/2019 thì số tiền nợ cám heo lên đến 277.200.000 đồng, bà H và vợ chồng ông V+ bà H thống nhất chốt lại số nợ này nhưng từ khi chốt nợ đến nay thì ông Bùi Tá V và bà Phạm Thị H không thanh toán tiền cho bà Phạm Thị H.

Tại biên bản xác minh ngày 24/4/2020 của Công an phường Tam Phước, thành phố Biên Hòa xác nhận: ông Bùi Tá V và bà Phạm Thị H có đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ A, khu phố TB, phường TP, thành phố BH, tỉnh Đồng Nai và hiện vẫn đang sinh sống tại địa chỉ trên (*bút lục số 37*).

Ông Bùi Tá V và bà Phạm Thị H đã đượcTòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và các chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp nhưng ông Bùi Tá V và bà Phạm Thị H không đến Tòa làm việc và không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị H.

Vì vậy có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông Bùi Tá V và bà Phạm Thị H có nghĩa vụ thanh toán cho bà Phan Thị H số tiền nợ gốc còn lại và số tiền lãi tính theo lãi suất cơ bản do ngân hàng nhà nước quy định không quá 20%/ năm, từ ngày 21/8/2019 đến ngày 22/07/2020 (ngày xét xử) là: 277.200.000 đồng + 50.616.720 đồng = 327.816.720 đồng (*ba trăm hai mươi bảy triệu tám trăm mười sáu nghìn bảy trăm hai mươi đồng*).

[3] Về án phí: ông Bùi Tá V và bà Phạm Thị H phải chịu án phí theo quy định.

Hoàn trả cho bà Phan Thị H số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[4] Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tại phiên Tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ Điều 35, 39, 97, 175, 203, 207, 208, 209, 210, 220, 227, 228, 264, 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng Điều 357, 430, 433, 434, 436, 440 và Điều 468 Bộ luật dân sự; Áp dụng nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Thị H về việc "*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa* " đối với ông Bùi Tá V và bà Phạm Thị H.

Buộc ông Bùi Tá V và bà Phạm Thị H có nghĩa vụ thanh toán cho bà Phan Thị H số tiền nợ gốc còn lại và số tiền lãi tính theo lãi suất cơ bản do ngân hàng nhà nước quy định không quá 20%/ năm, từ ngày 21/8/2019 đến ngày 22/07/2020 (ngày xét xử) là: 277.200.000 đồng + 50.616.720 đồng = 327.816.720 đồng (*ba trăm hai mươi bảy triệu tám trăm mười sáu nghìn bảy trăm hai mươi đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật bà Phan Thị H có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông Bùi Tá V và bà Phạm Thị H chậm trả tiền thì hàng tháng ông Bùi Tá V và bà Phạm Thị H phải trả lãi đối với số tiền chậm trả, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ Luật dân sự.

2. Về án phí DSST: Ông Bùi Tá V và bà Phạm Thị H phải chịu 16.390.800 đồng (*mười sáu triệu ba trăm chín mươi nghìn tám trăm đồng*)

Hoàn trả cho bà Phan Thị H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.620.000 đồng (*bảy triệu sáu trăm hai mươi nghìn đồng*), tại biên lai thu số 0008415 ngày 19/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa.

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Bùi Tá V và bà Phạm Thị H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND thành phố Biên Hòa;
- Chi cục THADS thành phố Biên Hòa;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN– CHỦ TỌA
(Đã ký)

Lê Hồng Ngọc